

Số: 51 /2024/QĐST-DS

Lạng Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 5 Điều 211; Khoản 1 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 212; Điều 609; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự; Khoản 7 Điều 26 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản hòa giải ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 101/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các bên đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành đối với những người tham gia phiên hòa giải và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được Tòa án thông báo về nội dung hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** 1. Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C và ông T: Bà Trịnh Thị N1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1956.
2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970.
3. Anh Hoàng Xuân A, sinh năm 1989.
4. Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Về tài sản chung và tài sản thừa kế:

[2.1]. Về tài sản chung là diện tích đất ruộng canh tác:

- Xác nhận toàn bộ diện tích 3.971 m² đất ruộng canh tác, tại tờ bản đồ 16 gồm các thửa: Số 260; 622; 663; 816; 520; 808; 563 và tờ bản đồ 17 gồm các thửa: số 403; 405; 482; 542 và 588 giấy CNQSD đất mang tên hộ gia đình cụ Hoàng Văn D thuộc thôn Q, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang cấp cho 5 khẩu: cụ Hoàng Văn D, ông Hoàng Văn V, ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị H và cháu Hoàng Xuân A. (Trong đó có một phần diện tích 197,3 m² đất ruộng của cụ Hoàng Văn D đã được nhận tiền bồi thường). Tổng diện tích đất ruộng còn lại để phân chia là 3.773,7m².

[2.2]. Về tài sản chung đất ruộng canh tác là tài sản thừa kế:

- Xác nhận tài sản thừa kế là đất ruộng canh tác xuất của cụ Hoàng Văn D để lại còn lại gồm: Thửa 816 tờ bản đồ 16, diện tích 296 m², xứ đồng C và Thửa 250 tờ bản đồ 16, diện tích 201 m², xứ đồng Bãi Chè. Tổng diện tích là 497m²; Trị giá 49.700.000 đồng.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[3.1]. Ông Hoàng Văn V, bà Nguyễn Thị H và anh Hoàng Xuân A được quản lý và sử dụng tổng diện tích 2.442m² trị giá 244.200.000 đồng, Gồm:

- + Thửa 622, tờ bản đồ số 16 diện tích 636m², xứ đồng Non Nga;
- + Thửa 806 tờ bản đồ 16 diện tích 68m², xứ đồng Non Lâm;
- + Thửa 563, tờ bản đồ 16, diện tích 320m², xứ đồng Bãi Chè;
- + Thửa 403 tờ bản đồ 17, diện tích 461m², xứ đồng Mả Gõ;
- + Thửa 482 tờ bản đồ 17, diện tích 348m², xứ đồng Cầu Cuống;
- + Thửa 542 tờ bản đồ 17, diện tích 65m², xứ đồng Trũng Hội;
- + Thửa 588 tờ bản đồ 17, diện tích 544m², xứ đồng Cầu T.

[3.2]. Ông Hoàng Văn T được quản lý và sử dụng tổng diện tích đất ruộng canh tác là 834,7m² , trị giá 83.470.000 đồng, gồm:

- + Thửa 260 tờ bản đồ số 16; Diện tích 278,7m² , xứ đồng Công Làng
- + Thửa 663 tờ bản đồ 16; Diện tích 258 m², xứ đồng Non N.
- + Thửa 405 tờ bản đồ 17; Diện tích 298 m², xứ đồng Mả Gõ.

3. Ông Hoàng Văn C được quản lý tổng diện tích 497m² là phần diện tích đất ruộng của cụ Hoàng Văn D gồm: Thửa 816 tờ bản đồ 16, diện tích 296 m², xứ đồng C + Thửa 250 tờ bản đồ 16, diện tích 201 m², xứ đồng Bãi Chè, trị giá 49.700.000 đồng.

4. Về chi phí định giá tài sản, xem xét, thẩm định tại chỗ:

Các bên đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về số tiền chi phí thẩm định đã thanh toán xong với HĐ thẩm định, hội đồng định giá tài sản.

5. Về án phí: Ông Hoàng Văn T chịu 2.087.000 đồng; Ông Hoàng Văn C phải chịu 1.242.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Văn V, bà Nguyễn Thị H và anh Hoàng Xuân A phải chịu 6.105.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; Được khấu trừ vào số tiền 8.125.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007597 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lạng Giang. Hoàn trả ông V số tiền 2.020.000 đồng còn thừa.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát huyện Lạng Giang;
- Thi hành án huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hằng